TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30/3/2026
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7, TỈNH QUẢNG TRỊ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Lê Minh Thành**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Ngọc Tri** và ông **Lê Xuân Nam**

- ***Thư ký phiên toà***: Ông **Phùng Nam Hải** - Thư ký viên chính Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa***: Bà **Hồ Thị Đợi** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại Hội trường xét xử số 1 - Toà án nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 72/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2025 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2026/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1996; căn cước công dân số: 045196002061; địa chỉ: Thôn D, xã L, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn P, sinh năm 1988; căn cước công dân số 045088001007; địa chỉ: Thôn D, xã L, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Mỹ L và anh Trần Văn P kết hôn với nhau vào ngày 04/5/2016 tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị (Nay là xã L, tỉnh Quảng Trị*)*. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên vào năm 2020 chị L đã nộp đơn xin ly hôn anh P, sau thời gian hòa giải chị L cho anh P cơ hội để sửa đổi, vợ chồng về chung sống với nhau. Nhưng từ năm 2020 đến nay anh P vẫn không thay đổi, không có trách nhiệm với gia đình. Vì vậy, từ ngày 19/10/20205 chị L đã đưa theo cháu Trần Lê Đăng

H về nhà mẹ đẻ là bà Đỗ Thị H1 tại thôn Y, xã L, tỉnh Quảng Trị sinh sống cho đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Lê Thị Mỹ L khởi kiện xin ly hôn với anh Trần Văn P.

- Về con chung: Chị Lê Thị Mỹ L và anh Trần Văn P có hai con chung là cháu Trần Lê Bảo T, sinh ngày 01/01/2016; cháu Trần Lê Đăng H, sinh ngày 14/6/2024. Khi ly hôn chị Lê Thị Mỹ L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Lê Đăng H, sinh ngày 14/6/2024; giao cháu Trần Lê Bảo T, sinh ngày 01/01/2016 cho anh Trần Văn P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 14/11/2025 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Văn P trình bày:

- Về hôn nhân: Anh P thừa nhận vào năm 2020, chị L có gửi đơn ra Tòa án yêu cầu ly hôn, sau đó chị lệ rút đơn. Từ đó cho đến nay vợ chồng anh sống với nhau hòa thuận, không có vấn đề gì xảy ra căng thẳng, mặc dù cuộc sống vẫn còn khó khăn nhưng vẫn đồng cam cộng khổ để làm ăn chăm sóc cho gia đình. Vì vậy, anh không đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng vẫn còn yêu thương nhau.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị:

Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ về quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đầy đủ về quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, không tham gia phiên tòa. Như vậy, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự việc Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa Chị Lê Thị Mỹ L và anh Trần Văn P là hợp pháp. Sau khi kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, năm 2020 chị L đã nộp đơn tại Tòa án. Vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 19/10/20205 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn và mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Lê Thị Mỹ L ly hôn anh Trần Văn P.

Về con chung: Giao cháu Trần Lê Đăng H, sinh ngày 14/6/2024 cho chị Lê Thị Mỹ L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Trần

Lê Bảo T, sinh ngày 01/01/2016 cho anh Trần Văn P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Chị Lê Thị Mỹ L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền*: Chị Lê Thị Mỹ L và anh Trần Văn P có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn. Chị Lê Thị Mỹ L nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn anh Trần Văn P có địa chỉ tại Thôn D, xã L, tỉnh Quảng Trị và giải quyết việc nuôi con chung là quan hệ pháp luật "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần một, mở phiên tòa ngày 12/3/2026 nhưng anh Trần Văn P vắng mặt không có lý do. Phiên tòa lần hai mở vào ngày 30/3/2026 anh Trần Văn P vắng mặt không có lý do, Tòa án nhân dân khu vực 7 tỉnh Quảng Trị căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Văn P.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị Mỹ L và anh Trần Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 04/5/2016 tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị (Nay là xã L, tỉnh Quảng Trị*)*, tuân thủ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình là hôn nhân hợp pháp. Tình cảm vợ chồng phải từ hai phía, vợ chồng phải thương yêu chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên, quá trình chung sống giữa chị Lê Thị Mỹ L và anh Trần Văn P thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đỉnh điểm là vào năm 2020 chị L đã gửi đơn ra Tòa án xin ly hôn với anh P, sau khi thuyết phục, chị L rút đơn để hai vợ chồng về chung sống. Tuy nhiên, anh Trần Văn P không lo làm ăn xây dựng hạnh phúc gia đình. Từ ngày 19/10/2025 chị L đã đưa cháu Trần Lê Đăng H về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Đối với anh Trần Văn P, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy, việc chị Lê Thị Mỹ L xin ly hôn anh Trần Văn P là có căn cứ, phù hợp với tình trạng hôn nhân của vợ chồng, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56

Luật hôn nhân và gia đình; xử cho chị Lê Thị Mỹ L được ly hôn anh Trần Văn P.

[4] *Về con chung*: Cháu Trần Lê Bảo T, sinh ngày 01/01/2016 hiện đang học tại Trường tiểu học S, hiện đang ở với anh P nên giao cho anh Trần Văn P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cháu Trần Lê Đăng H, sinh ngày 14/6/2024 cần giao cho chị Lê Thị Mỹ L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] *Về án phí*: Chị Lê Thị Mỹ L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 235; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ L, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Mỹ L được ly hôn với anh Trần Văn P *(Giấy chứng nhận kết hôn số: 021/2016 ngày 04/5/2016 của Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị (Nay là xã L, tỉnh Quảng Trị).*

2. Về con chung: Giao cháu Trần Lê Đăng H, sinh ngày 14/6/2024 cho chị Lê Thị Mỹ L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Trần Lê Bảo T, sinh ngày 01/01/2016 cho anh Trần Văn P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con ạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Lê Thị Mỹ L đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/25E số 0001702 ngày 12/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Chị Lê Thị Mỹ L đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND KV 7, tỉnh Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã Lao Bảo, tỉnh Quảng Trị ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Thành